

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số: 1348/QĐ-UBND ngày 15/11/2025 của Chủ tịch UBND xã Sơn Tịnh)

TT	Hạng mục	ĐVT	Định mức/quy mô	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	NSNN hỗ trợ		NSN
							%	Đồng	%
Mô hình trình diễn áp dụng giống mới (I+II)			1ha	28,4		627.854.600		338.742.600	
I	Chi phí trực tiếp					578.224.000	50	289.112.000	50
1	Giống lúa	kg/ha	90			71.568.000		71.568.000	
	Giống lúa	kg/ha	90	2.556,0	28.000	71.568.000		71.568.000	
2	Phân bón					479.392.000		190.280.000	
	Urê	kg/ha	190	5.396,0	15.000	80.940.000		0	
	Super Lân	kg/ha	400	11.360,0	6.000	68.160.000		0	
	Kali Clorua	kg/ha	110	3.124,0	13.000	40.612.000		0	
	Phân hữu cơ VS	kg/ha	2.000	56.800,0	4.600	261.280.000		190.280.000	
	Vôi nông nghiệp	kg/ha	500	14.200,0	2.000	28.400.000		0	
3	Thuốc BVTV (Định mức: 1 chai/500m2; 1 gói/500m2)	Đồng/ha	960.000	28,4		27.264.000		27.264.000	
	Thuốc cỏ 50ml	Đồng/ha	360.000	28,4	360.000	10.224.000		10.224.000	
	Thuốc ốc hạt	Đồng/ha	500.000	28,4	500.000	14.200.000		14.200.000	
	Thuốc chuột trộn sẵn 50gram	Đồng/ha	100.000	28,4	100.000	2.840.000		2.840.000	
II	Phí triển khai					33.500.000	100	33.500.000	0
1	Tập huấn	lớp	2	100,0		29.400.000	100	29.400.000	
-	Tiền ăn	Người/ lớp	100	200,0	100.000	20.000.000		20.000.000	
-	Nước uống	Người/lớp	100	200,0	20.000	4.000.000		4.000.000	
-	Tài liệu	Tập/lớp	100	200,0	15.000	3.000.000		3.000.000	
-	Báo cáo viên	ngày	2	2,0	1.200.000	2.400.000		2.400.000	
2	Thẩm định giá					4.100.000	100	4.100.000	
III	Quản lý phí (5%)					16.130.600	100	16.130.600	

ĐVT: Đồng

[illegible]